

BÁO CÁO TÀI CHÍNH





Số tham chiếu: 60752689/14061208

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (“Ngân hàng”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh đi kèm như được trình bày từ trang 4 đến trang 60 (sau đây gọi chung là “các báo cáo tài chính”). Việc lập các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

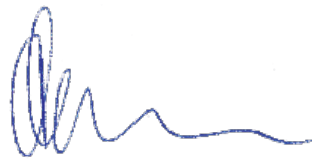
Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài Chính.



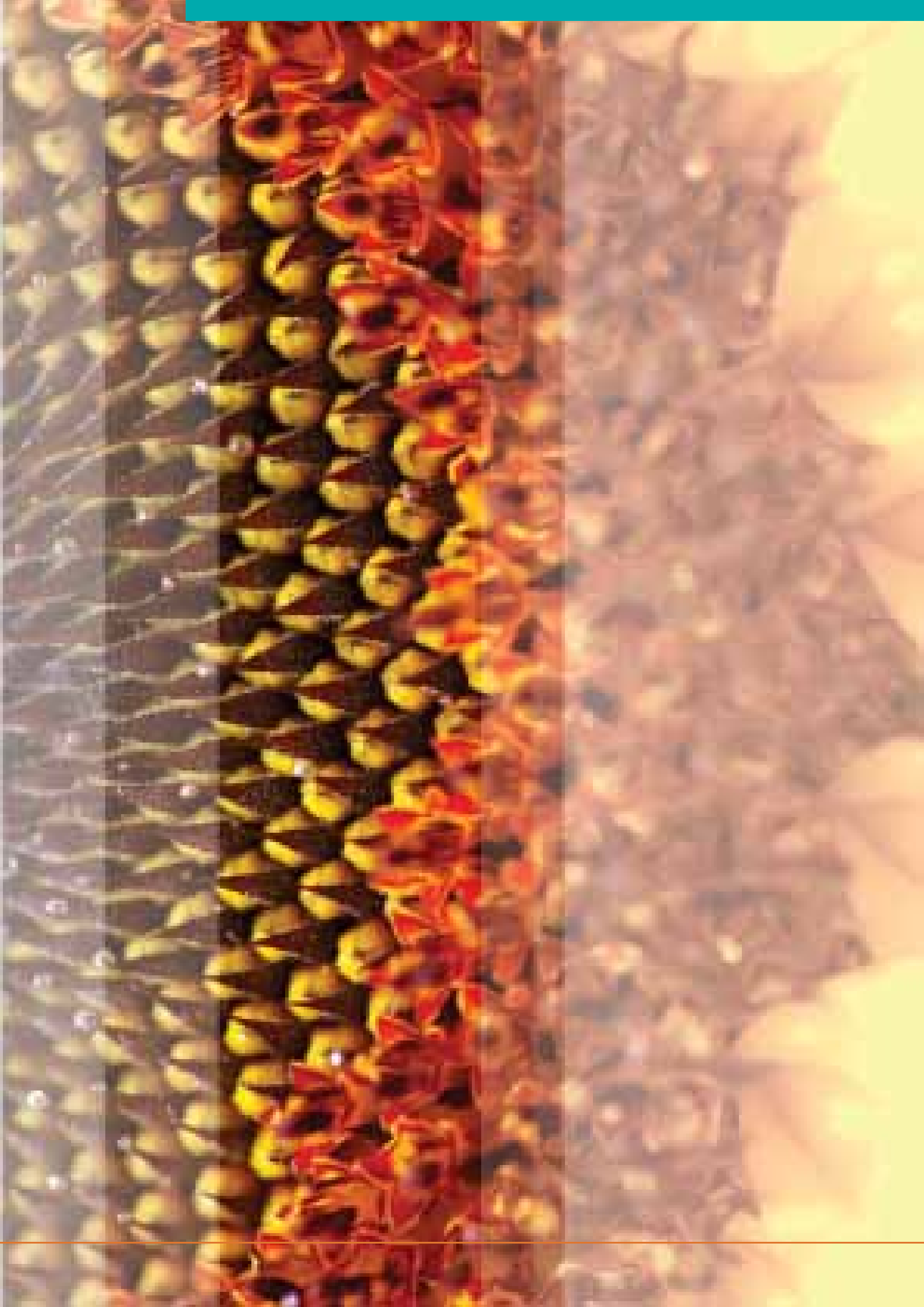
Ernst & Young Vietnam Ltd

Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

**Võ Tấn Hoàng Văn**Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0264/KTV**Nguyễn Xuân Đại**Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0452/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 02 năm 2010



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ngày 31 tháng 12 năm 2009

		Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
			triệu đồng	triệu đồng
TÀI SẢN				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3		193.424	173.943
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	4		624.326	597.642
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	5		8.439.425	2.441.272
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	5.1		8.439.425	2.441.272
Cho vay các TCTD khác			-	-
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác			-	-
Chứng khoán kinh doanh			26.442	14.549
Chứng khoán kinh doanh	6		29.783	36.870
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	12		(3.341)	(22.321)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7		-	884
Cho vay khách hàng			12.740.502	6.457.751
Cho vay khách hàng	8		12.882.962	6.538.980
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9		(142.460)	(81.229)
Chứng khoán đầu tư	10		3.026.887	2.020.150
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10.1		97.045	-
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10.2		2.935.163	2.020.150
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	12		(5.321)	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn			335.759	769.478
Đầu tư vào công ty con			-	-
Vốn góp liên doanh			-	-
Đầu tư vào công ty liên kết			-	-
Đầu tư dài hạn khác	11		338.055	769.478
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	12		(2.296)	-
Tài sản cố định	13		507.124	480.524
Tài sản cố định hữu hình	13.1		430.850	423.132
Nguyên giá tài sản cố định			488.584	450.970

Hao mòn tài sản cố định		(57.734)	(27.838)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>		-	-
Nguyên giá tài sản cố định		-	-
Hao mòn tài sản cố định		-	-
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	13.2	76.274	57.392
Nguyên giá tài sản cố định		92.323	65.675
Hao mòn tài sản cố định		(16.049)	(8.283)
Bất động sản đầu tư		-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
Tài sản có khác	14	624.195	537.932
Các khoản phải thu	14.1	336.449	355.088
Các khoản lãi, phí phải thu		246.265	155.257
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
Tài sản có khác	14.2	41.481	27.587
Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản nội bảng khác		-	-
TỔNG TÀI SẢN		26.518.084	13.494.125

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo) ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
		triệu đồng	triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	15	37.023	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	16	6.334.203	2.062.884
Tiền gửi của các TCTD khác	16.1	5.978.067	2.062.884
Vay các TCTD khác	16.2	356.136	-
Tiền gửi của khách hàng	17	15.001.842	6.673.746
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	7	4.002	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	18	15.000	9.564
Phát hành giấy tờ có giá		-	571.323
Các khoản nợ khác		636.578	221.094
Các khoản lãi, phí phải trả		220.679	163.581
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	19	400.505	54.784
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	9	15.394	2.729
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		22.028.648	9.538.611

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn và các quỹ	21	4.489.436	3.955.514
Vốn của TCTD		4.223.158	3.854.142
Vốn điều lệ	21.1	3.482.513	2.705.882
Vốn đầu tư XD CB		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	21.1	921.786	1.287.831
Cổ phiếu quỹ	21.1	(181.141)	(139.571)
Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Vốn khác		-	-

Quý của TCTD		50.197	48.611
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	21.1	216.081	52.761
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.518.084	13.494.125

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo) ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	36	2.047.227	797.881
Bảo lãnh tài chính		756.250	351.713
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		1.191.794	189.674
Bảo lãnh khác		99.183	256.494
Các cam kết đưa ra		-	-
Cam kết tài trợ cho khách hàng		-	-
Cam kết khác		-	-
TỔNG CỘNG		2.047.227	797.881

Người lập:



Ông **Nguyễn Công Anh**
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Ông **Bùi Quốc Việt**
Kế toán Trưởng

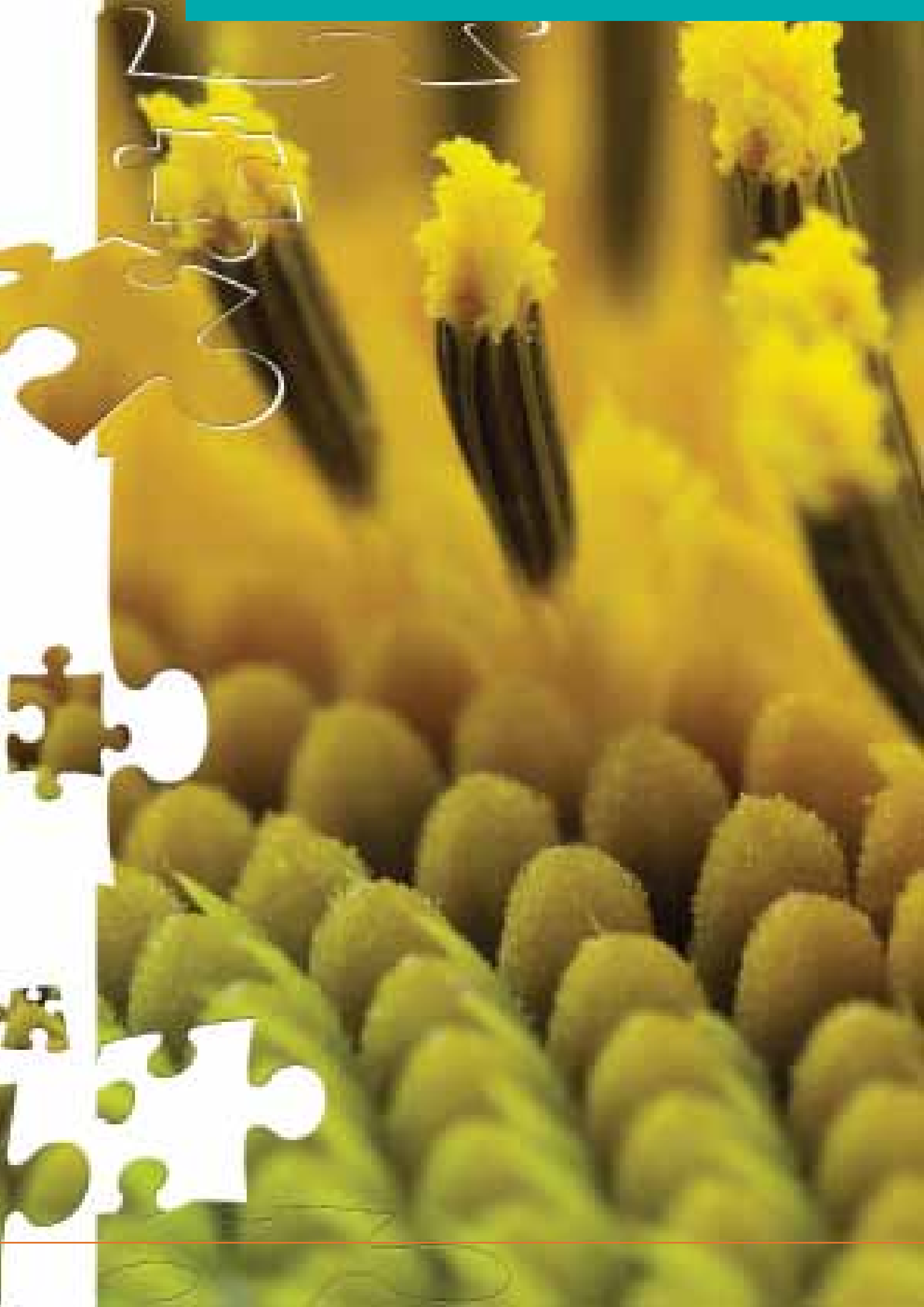
Người phê duyệt:



Ông **Nguyễn Hùng Mạnh**
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 02 năm 2010



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Thuyết minh	Năm 2009 triệu đồng	Năm 2008 triệu đồng
THU NHẬP HOẠT ĐỘNG			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	1.646.999	1.494.819
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(957.497)	(1.223.980)
Thu nhập lãi thuần		689.502	270.839
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		111.483	45.785
Chi phí hoạt động dịch vụ		(23.577)	(24.001)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	26	87.906	21.784
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	11.078	(4.950)
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	28	1.543	(24.678)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	25.632	46.438
Thu nhập từ hoạt động khác		8.316	7.463
Chi phí hoạt động khác		(2.464)	(773)
Lãi thuần từ hoạt động khác	30	5.852	6.690
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	31	16.496	20.710
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		838.009	336.833
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
Chi phí tiền lương		(143.060)	(92.362)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(38.036)	(27.676)
Chi phí hoạt động khác		(170.402)	(126.363)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	32	(351.498)	(246.401)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		486.511	90.432
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9	(73.896)	(25.018)

TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**412.615****65.414**

Chi phí thuế TNDN hiện hành

20.1

(100.968)

(15.718)

Thuế TNDN hoãn lại

20.2

-

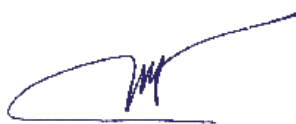
-

Tổng chi phí thuế TNDN**(100.968)****(15.718)****LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM****311.647****49.696****Lãi cơ bản trên cổ phiếu** (đồng/cổ phiếu)**22****1.101****208**

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Ông **Nguyễn Công Anh**Ông **Bùi Quốc Việt**Ông **Nguyễn Hùng Mạnh***Kế toán tổng hợp**Kế toán Trưởng**Tổng Giám Đốc*

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 02 năm 2010


BÁO CÁO LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Thuyết minh	Năm 2009 triệu đồng	Năm 2008 triệu đồng
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI ĐẦU NĂM		52.761	140.012
Lợi nhuận thuần trong năm		311.647	49.696
LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI		364.408	189.708
Trừ:			
- Trích lập các quỹ dự trữ theo quy định của năm trước	21.1	(16.151)	(21.837)
- Chia cổ tức	21.1	-	(115.110)
- Chia cổ tức đợt 1 năm 2009	21.1	(132.176)	-
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI CUỐI NĂM *		216.081	52.761

[*]: Lợi nhuận để lại cuối năm sẽ được Đại hội đồng Cổ đông thông qua để trích lập các quỹ theo quy định, căn trừ các khoản khen thưởng, phúc lợi đã tạm chi và chưa trả cổ tức bổ sung cho cổ đông.

Người lập:



Ông **Nguyễn Công Anh**
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



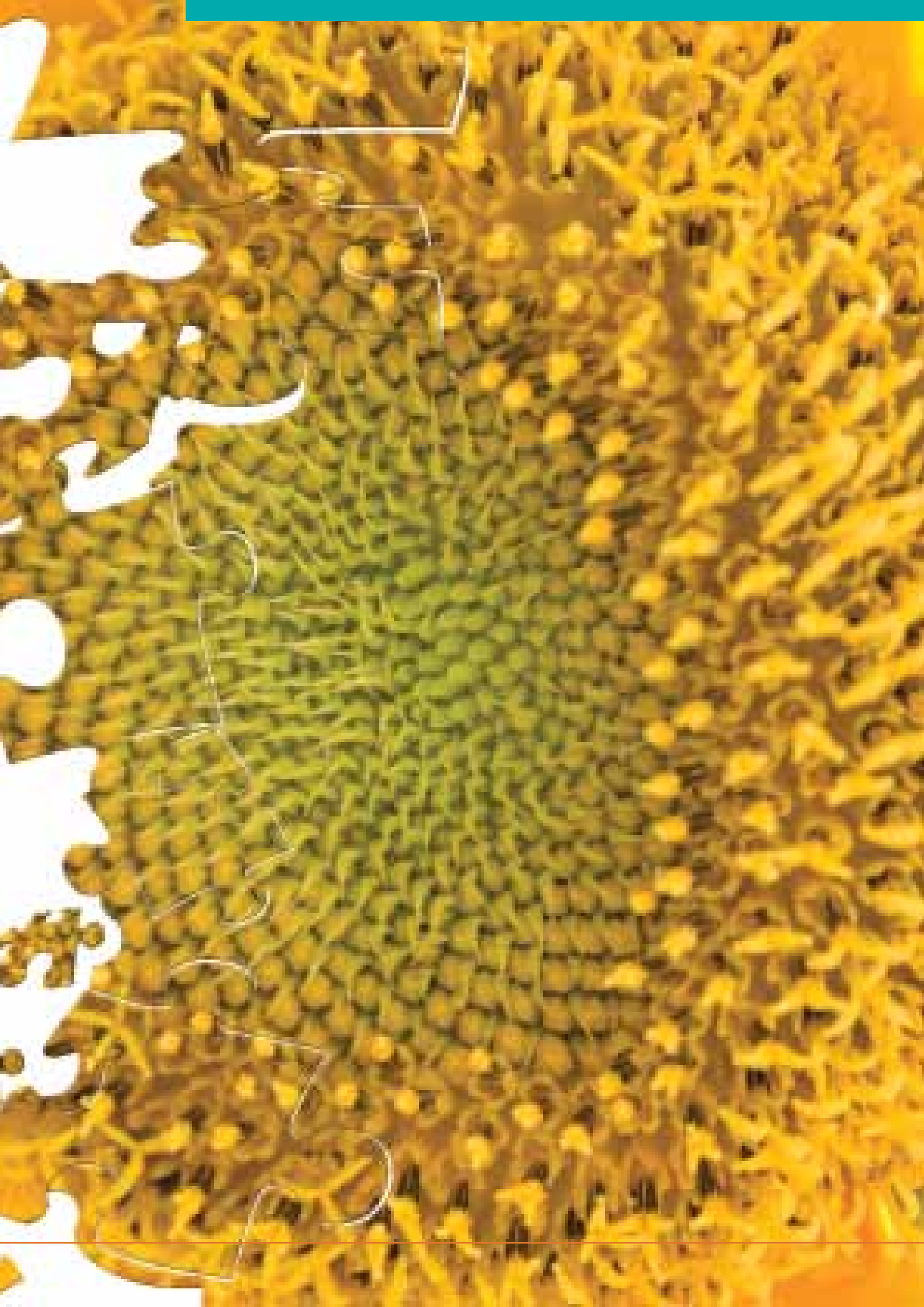
Ông **Bùi Quốc Việt**
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông **Nguyễn Hùng Mạnh**
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 02 năm 2010



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

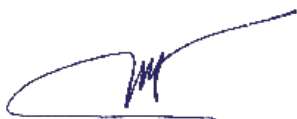
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2008</i>
		<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		1.555.993	1.626.547
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(900.401)	(1.183.526)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		87.906	21.784
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		14.626	(24.302)
Thu nhập khác		6.116	6.690
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		-	-
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(312.875)	(218.657)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	20.1	(69.000)	(68.401)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		382.365	160.135
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
(Tăng)/giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		(3.453.734)	3.483.285
(Tăng)/giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(956.222)	532.032
Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		884	(884)
(Tăng)/giảm các khoản cho vay khách hàng		(6.343.982)	339.154
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		-	-
Tăng khác về tài sản hoạt động		(1.344)	(225.841)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		37.023	(217.172)
Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		4.271.319	(5.206.103)
Tăng/(giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)		8.328.098	(102.533)
(Giảm)/tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		(571.323)	366.374

Tăng/(giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		5.436	(1.600)
Tăng/(giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		4.002	(366)
Tăng khác về công nợ hoạt động		317.802	7.810
Chi từ các quỹ của TCTD	21.1	(3.523)	(12.413)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.016.801	(878.122)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định	13	(64.733)	(427.881)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		215	2
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(3.050)	(338.836)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		400.010	74.059
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		16.380	10.269
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		348.822	(682.387)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn điều lệ	21.1	399.544	1.578.431
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(133.013)	(106.113)
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ	21.1	(41.570)	(24.290)
Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		224.961	1.448.028
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.590.584	(112.481)
Tiền và các khoản tương đương tiền tại			

thời điểm đầu kỳ		<u>2.955.857</u>	<u>3.068.338</u>
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	33	<u>5.546.441</u>	<u>2.955.857</u>

Người lập:



Ông **Nguyễn Công Anh**
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Ông **Bùi Quốc Việt**
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:




Ông **Nguyễn Hùng Mạnh**
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 02 năm 2010



